TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2019/HNGĐ-PT
Ngày: 29-3-2019
V/v tranh chấp "Chia tài sản chung sau khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Sum

Các Thẩm phán: Bà Lưu Thị Thu Thủy

Bà Lâm Ngọc Tuyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Quyên - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Hoàng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 26 và 29 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2019/TLPT-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp "Chia tài sản chung sau khi ly hôn".

Do bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 100/2018/HNGĐ-ST ngày 22 tháng 10 năm 2018 của Toà án nhân dân Thị xã C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 36/2019/QĐPT-HNGĐ ngày 28 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Huỳnh Thị Thanh H**,** sinh năm 1975 (vắng mặt);

Địa chỉ: Khu phố M, Phường N, Thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: chị Huỳnh Thị Thanh B, sinh năm 1978; (có mặt);

Địa chỉ: Khu phố M1, Phường N, Thị xã C, tỉnh Tiền Giang. Văn bản ủy quyền ngày 05/5/2017.

- *Bị đơn:* Anh Đặng Văn T, sinh năm 1973 (có mặt);

Địa chỉ: Khu phố M, Phường N, Thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Đặng Thị Hồng M2, sinh năm 1993 (có mặt);

Địa chỉ: Khu phố M, Phường N, Thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn anh Đặng Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm,

Nguyên đơn chị Huỳnh Thị Thanh H và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Huỳnh Thị Thanh B trình bày:

Chị H và anh Đặng Văn T là vợ chồng, quá trình chung sống không hạnh phúc, anh T có đơn yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn và được Tòa án nhân dân Thị xã C ra Quyết định số 75/2017/QĐST-HNGĐ ngày 15/5/2017. Do chưa yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng nên nay chị H yêu cầu Tòa án giải quyết, yêu cầu chia tài sản chung của chị và anh Đặng Văn T như sau:

Nhà đất thuộc tờ bản đồ số 11, thửa số 53, diện tích 1.332m^2, tọa lạc Khu phố M, Phường N, Thị xã C, tỉnh Tiền Giang, do anh T đại diện hộ đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trong đó, có căn nhà gắn liền với đất diện tích 220m^2, trị giá khoảng 120.000.000đồng.

Thửa đất số 53, tờ bản đồ số 11, diện tích 1.332m^2, loại đất ở và đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại Khu phố M, Phường N, Thị xã C, tỉnh Tiền Giang, trị giá khoảng 180.000.000đồng.

Tài sản và đồ dùng trong nhà:

+ 02 cái bàn tròn bằng gỗ khoảng 200.000đồng.

+ 01 cái tủ bằng sắt khoảng 100.000đồng.

+ 01 cái giường ngủ bằng gỗ 200.000đồng.

+ 01 ghe chở lúa 10.000.000đồng.

+ 01 máy dầu ký hiệu 125 là 6.000.000đồng.

+ 01 thùng phóng lúa 2.000.000đồng.

+ 01 hầm cá tai tượng 2.000.000đồng.

Tổng cộng tài sản và đồ dùng trong nhà là 20.500.000đồng.

Tổng giá trị tài sản chung của vợ chồng là 320.500.000đồng.

Yêu cầu Tòa án giải quyết chia đôi số tài sản trên, chị H yêu cầu nhận bằng hiện vật và đồng ý hoàn giá trị cho anh T là 160.250.000đồng.

Tại biên bản hòa giải chị B đại diện ủy quyền cho chị H trình bày: Đối với các tài sản gồm: 01 ghe chở lúa, 01 máy dầu ký hiệu 125, 01 thùng phóng lúa, 01 hầm cá tai tượng, xác định là không yêu cầu chia, những tài sản trong nhà xác định theo giá của Hội đồng định giá gồm 01 cái bàn tròn bằng gỗ thau lau trị giá 1.200.000đồng, 01 cái bàn tròn chân gỗ mặt đá mài trị giá 1.680.000đồng, một cái tủ áo bằng sắt cao 1,8m, ngang 1,2m, rộng 5cm trị giá 400.000đồng, 01 cái giường ngủ bằng gỗ thau lau 1,6m x 2m giá trị 1.250.000đồng. Những tài sản này chị H yêu cầu chia đôi và nhận bằng hiện vật.

Bị đơn anh Đặng Văn T trình bày:

Anh đồng ý chia phần nhà, không đồng ý chia phần đất vì đây là đất của cha mẹ anh cho. Đối với phần nhà, anh đồng ý chia đôi, anh yêu cầu nhận bằng hiện vật chia giá trị cho chị H. Anh xác định chia theo giá hai bên đã thỏa thuận là 120.000.000đồng.

Xác định những tài sản trong nhà không tranh chấp đối với thùng phóng, máy dầu, hầm cá, ghe chở lúa. Còn đối với những tài sản khác trong nhà như hai cái bàn tròn bằng gỗ, 01 cái tủ áo bằng sắt, một cái giường ngủ bằng gỗ, đồng ý chia đôi anh yêu cầu nhận bằng hiện vật.

Hiện nay anh cũng không ở trên phần đất này, nhà đất hiện đang đóng cửa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị H1 trình bày:

Bà có cho chị H mượn số vàng là 08 chỉ vàng 24kr vào năm 2009, khi mượn có làm biên nhận do chị H viết và ký tên vào đó. Khi mượn thì chị H trực tiếp qua mượn, còn việc chị H sử dụng vào việc gì thì bà H1 không biết. Nay do chị H đã trả cho bà toàn bộ số vàng nêu trên nên bà không có ý kiến gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Đặng Thị Hồng M2 trình bày:

Đối với tranh chấp chia tài sản chung là nhà, đất và tài sản sinh hoạt trong nhà giữa cha mẹ chị, chị không có ý kiến gì. Đối với phần cây trồng do chị trồng, chị không có yêu cầu chị H, anh T hoàn trả giá trị. Ngoài ra, chị cũng không có ý kiến cũng như không có yêu cầu gì khác.

Ngày 06/7/2018 tại biên bản hòa giải chị H và anh T đã thỏa thuận được:

+ 01 cái tủ áo bằng sắt cao 1,8m ngang 1,2m rộng 5cm trị giá 400.000đồng, hai bên thống nhất đồng ý chia đôi, anh T nhận hiện vật, chia giá trị tủ áo lại cho chị H.

+ 01 giường gỗ bằng thau lau trị giá 1.250.000đồng hai bên xác định là của cha mẹ chị H cho nên đồng ý trả lại cho chị H, không tranh chấp.

+ 01 cái bàn chân gỗ, mặt đá mài trị giá 1.680.000đồng, hai bên thống nhất chị H nhận hiện vật, hoàn lại giá trị cho anh T.

+ 01 cái bàn tròn bằng gỗ thau lau giá trị 1.200.000đồng, hai bên thống nhất anh T nhận bằng hiện vật, hoàn lại giá trị cho chị H.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 100/2018/HNGĐ-ST ngày 22/10/2018 của Tòa án nhân dân Thị xã C, tỉnh Tiền Giang đã căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 59, 62 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b, đ, e khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Huỳnh Thị Thanh H có đại diện theo ủy quyền là chị Huỳnh Thị Thanh B.

Về tài sản chung:

Ghi nhận việc chị Huỳnh Thị Thanh H và anh Đặng Văn T thỏa thuận phân chia các loại tài sản như sau:

- Chia cho chị H 01 cái bàn chân gỗ, mặt đá mài; 01 cái giường gỗ bằng thau lau.

- Chia cho anh T 01 cái tủ áo bằng sắt; 01 bàn tròn bằng gỗ thau lau.

Tài sản chung còn lại được phân chia như sau:

+ Chia cho chị Huỳnh Thị Thanh H phần đất tại thửa đất số 53, diện tích 1.332m^2 (phần đất hiện do anh Đặng Văn T đứng tên quyền sử dụng) gắn liền với nhà, công trình phụ và cây trồng gồm:

- Nhà ở: kết cấu nền xi măng, cột bê tông cốt thép, vách tường, mái lợp tôn xi măng diện tích 132,21m^2;

- Đan xi măng: diện tích 93,46m^2;

- Nhà vệ sinh: Nền xi măng vách tường mái tole diện tích 16,32m^2;

- Hàng rào cột bê tông cốt thép, tường xây gạch cao 0,5m, phía trên kẽm gai diện tích 57,4m^2.

- 24 cây dừa loại A, 08 cây dừa loại C; 24 cây mai trồng dưới đất đường kính 2cm -<5cm; 04 cây mận loại A; 02 cây dừa loại B1; 04 bụi tre loại 2; 02 cây cau loại 1; 02 cây cau loại 3.

Phần đất, nhà, công trình phụ và cây trồng tọa lạc tại Khu phố M, Phường N, Thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Buộc chị Huỳnh Thị Thanh H hoàn trả lại cho anh Đặng Văn T số tiền 193.111.482đồng (Một trăm chín mươi ba triệu một trăm mười một nghìn bốn trăm tám mươi hai đồng) (trị giá ½ tài sản chung của vợ chồng).

Chị Huỳnh Thị Thanh H có quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để lập thủ tục sang tên chuyển quyền sử dụng đất được chia đúng theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về phần án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định.

Ngày 15/11/2018, anh Đặng Văn T có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm vụ án, sửa án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh cho anh được chia bằng hiện vật là thửa đất số 53 diện tích 1.332m^2 gắn liền với nhà, công trình phụ và cây trồng gồm đan xi măng, nhà vệ sinh, hàng rào cột bê tông,…và cây trồng trên đất tọa lạc tại Khu phố M, Phường N, Thị xã C, tỉnh Tiền Giang, anh đồng ý hoàn trả giá trị cho chị H 193.111.482đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Chị Huỳnh Thị Thanh B đại diện ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, anh Đặng Văn T thay đổi 01 phần yêu cầu kháng cáo. Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến phát biểu của kiểm sát viên:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của anh Đặng Văn T, sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Án sơ thẩm xác định quan hệ "Tranh chấp chia tài sản chung sau khi ly hôn" là có căn cứ.

[2] Về tài sản chung: Tại phiên tòa sơ thẩm, chị Huỳnh Thị Thanh H và anh Đặng Văn T đã thỏa thuận được với nhau về cách phân chia các tài sản chung như sau:

- Chia cho anh T 01 cái tủ áo bằng sắt giá trị 400.000đồng; 01 bàn tròn bằng gỗ thau lau giá trị 1.200.000đồng.

- Chia cho chị H 01 cái bàn chân gỗ, mặt đá mài giá trị 1.680.000đồng.

Đối với 03 loại tài sản này trước Tòa sơ thẩm, hai bên đương sự thống nhất không hoàn lại chênh lệch giá trị tài sản.

Đối với 01 cái giường gỗ bằng thau lau trị giá 1.250.000đồng, hai bên xác định là của cha mẹ chị H cho nên đồng ý trả lại cho chị H, không tranh chấp vì đây là tài sản được tặng cho riêng của chị H.

Xét thấy các tài sản trên giữa anh T và chị H đã tự thỏa thuận phân chia được với nhau Tòa ghi nhận.

Ngoài ra, hai bên đương sự xác định những tài sản trong nhà không tranh chấp gồm: thùng phóng, máy dầu, hầm cá, ghe chở lúa vì hiện nay không còn. Xét thấy, các tài sản này không còn hai bên không tranh chấp. Do đó, không đặt ra giải quyết.

Đối với căn nhà, anh T và chị H thống nhất chia đôi, cả hai đều yêu cầu được nhận nhà. Riêng phần đất tại thửa số 53, diện tích 1.332m^2 chị H vẫn yêu cầu chia, phía anh T không đồng ý chia. Án sơ thẩm nhận định rằng: phần đất hai bên đang tranh chấp anh T cho rằng do cha mẹ anh bỏ vàng ra mua rồi cho anh đứng tên nên không đồng ý chia là không có căn cứ vì anh không có chứng cứ, giấy tờ gì chứng minh trong khi đó cả hai đều khai nhận phần đất này sang nhượng của ông Võ Văn H2 sau khi kết hôn và anh T đã đứng tên quyền sử dụng đất từ năm 1997 đến năm 2007 thì phần đất này được cấp lại cho hộ anh T. Sau khi sang nhượng thì vợ chồng xây dựng nhà kiên cố và các công trình phụ, đồng thời vợ chồng trồng rất nhiều cây ăn trái. Do đó, phần đất này phát sinh trong thời kỳ hôn nhân nên được xem là tài sản chung của vợ chồng và chị H yêu cầu chia là có cơ sở. Về phần nhà và đất đang tranh chấp anh T và chị H đều có yêu cầu xin được nhận bằng hiện vật. Xét thấy, hiện nay anh T đã có vợ khác không còn sinh sống tại thửa đất đang tranh chấp. Do vậy, nhu cầu sử dụng của anh là không có, trong khi đó chị H không có nơi nào sinh sống ngoài căn nhà và phần đất đang tranh chấp. Do đó, chị H yêu cầu được nhận nhà và đất, công trình phụ và cây trồng, chị sẽ hoàn trả lại ½ giá trị tài sản chung của vợ chồng là có căn cứ chính đáng được chấp nhận.

Căn cứ vào biên bản định giá ngày 21/3/2018, tài sản chung của vợ chồng anh T, chị H gồm tổng giá trị tài sản chung (đất + nhà + công trình phụ + cây trồng) là 386.222.965 đồng. Chị H nhận hiện vật nên phải có nghĩa vụ hoàn trả lại ½ tài sản chung cho anh T 193.111.482 đồng là chưa đảm bảo quyền lợi cho các bên đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, anh Đặng Văn T có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xử theo hướng sửa án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh cho anh được nhận bằng hiện vật gồm nhà, đất, công trình phụ và cây trái, anh hoàn lại ½ giá trị là 193.111.482 đồng.

Tại tòa phúc thẩm, anh T thay đổi 01 phần yêu cầu kháng cáo là anh đồng ý chia cho chị H 01 phần đất trống để chị H cất nhà ở, anh nhận 01 phần đất có căn nhà và các công trình phụ, anh đồng ý hoàn lại phần chênh lệch giá trị đất và ½ giá trị căn nhà và các công trình phụ cho chị H. Còn về cây trái bên nào nhận đất có cây thì được hưởng không yêu cầu hoàn giá trị cho nhau.

Phía chị B đại diện cho chị H cũng đồng ý nhận phần đất trống và yêu cầu anh T hoàn lại giá trị phần đất chênh lệch và ½ giá trị căn nhà cho chị H để chị H có tiền cất căn nhà để ở. Xét thấy, tại phiên tòa 02 bên đương sự thỏa

thuận được chia tài sản chung Hội đồng xét xử ghi nhận. Như vậy, căn cứ vào bản đồ địa chính khu đất chị Huỳnh Thị Thanh H được chia với tổng diện tích là 395,0m^2, cụ thể như sau:

- Bắc giáp kênh ngang 9,50m.

- Nam giáp kênh ngang 9,70m.

- Tây giáp anh Thiện dài 40,20m.

- Đông giáp Phạm Văn M3 dài 42,92m

(có sơ đồ kèm theo)

Anh Đặng Văn T được chia 937,0m^2 cụ thể gồm:

- Bắc giáp kênh ngang 25,91m.

- Nam giáp kênh ngang 25,91m.

- Tây giáp đường đi dài 32,89m.

- Đông giáp chị H 40,20m.

Anh T được chia phần đất nhiều hơn phía chị H cùng với căn nhà và các công trình phụ nên anh phải có trách nhiệm hoàn lại giá trị chênh lệch cho chị H tổng cộng là 142.785.482 đồng.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Đặng Văn T, sửa 01 phần án sơ thẩm.

Còn các phần khác của án sơ thẩm các bên không có kháng cáo, viện kiểm sát không kháng nghị, án sơ thẩm phát sinh hiệu lực pháp luật.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: anh Đặng Văn T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 59, 62 Luật Hôn nhân và gia đình;

điểm b, đ, e khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Đặng Văn T, sửa một phần bản án Dân sự sơ thẩm số 100/2018/HNGĐ-ST ngày 22/10/2018 của Tòa án nhân dân Thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Huỳnh Thị Thanh H có đại diện theo ủy quyền là chị Huỳnh Thị Thanh B.

2/ Về tài sản chung:

Ghi nhận việc chị Huỳnh Thị Thanh H và anh Đặng Văn T thỏa thuận phân chia các loại tài sản chung và không hoàn lại giá trị chênh lệch như sau:

- Chia cho chị H 01 cái bàn chân gỗ, mặt đá mài giá trị 1.680.000đồng. Chia cho chị H 01 cái giường gỗ bằng thau lau trị giá 1.200.000đồng.

- Chia cho anh T 01 cái tủ áo bằng sắt giá trị 400.000đồng; 01 bàn tròn bằng gỗ thau lau giá trị 1.200.000đồng.

Tài sản chung còn lại được phân chia như sau:

+ Chia cho chị Huỳnh Thị Thanh H phần đất tại thửa đất số 53, diện tích 395,0m^2 (phần đất hiện do anh Đặng Văn T đứng tên quyền sử dụng) tọa lạc tại Khu phố M, Phường N, Thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

- Bắc giáp kênh ngang 9,50m.

- Nam giáp kênh ngang 9,70m.

- Tây giáp anh T dài 40,20m.

- Đông giáp Phạm Văn M3 dài 42,92m.

(có sơ đồ kèm theo)

+ Chia cho anh Đặng Văn T phần đất tại thửa đất số 53 diện tích 937,0m^2 phần đất hiện do anh T đứng tên quyền sử dụng đất gắn liền với nhà và công trình phụ gồm:

- Nhà ở: kết cấu nền xi măng, cột bê tông cốt thép, vách tường, mái lợp tôn xi măng diện tích 132,21m^2;

- Đan xi măng: diện tích 93,46m^2;

- Nhà vệ sinh: Nền xi măng vách tường mái tole diện tích 16,32m^2;

- Hàng rào cột bê tông cốt thép, tường xây gạch cao 0,5m, phía trên kẽm gai diện tích 57,4m^2.

Phần đất, nhà, công trình phụ tọa lạc tại Khu phố M, Phường N, Thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

- Bắc giáp kênh ngang 25,91m.

- Nam giáp kênh ngang 25,91m.

- Tây giáp đường đi dài 32,89m.

- Đông giáp chị H 40,20m.

(có sơ đồ kèm theo)

Buộc anh Đặng Văn T hoàn trả lại giá trị chênh lệch nhà và đất cho chị H tổng cộng là 142.785.482 đồng (Một trăm bốn mươi hai triệu bảy trăm tám mươi lăm nghìn bốn trăm tám mươi hai đồng). Thời gian thi hành khi án có hiệu lực pháp luật.

3/ Về án phí: chị Huỳnh Thị Thanh H phải chịu 8.916.774 đồng án phí chia tài sản, chị H đã nộp 4.006.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000845 ngày 05/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Thị xã C cấn trừ nên chị H còn phải nộp tiếp 4.910.774 đồng.

Anh Đặng Văn T phải chịu 8.916.744 đồng án phí chia tài sản. Anh T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Anh T đã tạm nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001891 ngày 15/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Thị xã C cấn trừ nên anh T còn phải nộp tiếp 8.616.774 đồng.

Chị Huỳnh Thị Thanh H và anh Đặng Văn T có quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để lập thủ tục sang tên chuyển quyền sử dụng đất được chia đúng theo quy định của pháp luật.

Kể từ khi chị H có đơn yêu cầu thi hành nếu anh T chậm thi hành thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án tuyên lúc 08 giờ 20 phút ngày 29/3/2019, có mặt các đương sự và kiểm sát viên.

Nơi nhận:
- TAND tx. C;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- Chi cục THADS tx. C;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lưu Thị Sum